

THƯ THÔNG BÁO KHÁCH HÀNG CUSTOMER ADVISORY

Phú Mỹ, ngày 09 tháng 07 năm 2024
Phu My, 9th July 2024

Số/Ref: 85/2024-CMIT-COM

Kính gửi: Quý khách hàng
To: Valued Customers

V/v: Cập nhật văn bản quy định khung giá dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo và dịch vụ bốc dỡ container tại cảng biển Việt Nam của Bộ Giao Thông Vận Tải.

Re: Updating the legal documents stipulating price frames for berthage and container stevedoring services at Vietnam seaports by the Ministry of Transport.

Kể từ 01/07/2024, để phù hợp với quy định của Luật Giá 2023, khung giá dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo và dịch vụ bốc dỡ container tại cảng biển Việt Nam tại Thông tư 39/2023/TT-BGTVT được Bộ Giao Thông Vận Tải chuyển sang quy định tại các văn bản sau. Theo đó, Thông tư 39/2023/TT-BGTVT hết hiệu lực cùng thời điểm này.

- Quyết định số 809/QĐ-BGTVT (sau đây gọi là Quyết định 809) quy định khung giá dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo có hiệu lực từ 01/07/2024; và
- Quyết định số 810/QĐ-BGTVT (sau đây gọi là Quyết định 810) quy định khung giá dịch vụ bốc dỡ container có hiệu lực từ 01/07/2024.

As of July 1, 2024, in accordance with the provisions of the Pricing Law 2023, the price frames for berthage and container stevedoring services at Vietnam seaports, as stipulated in Circular 39/2023/TT-BGTVT, are transferred to the following documents. Consequently, Circular 39/2023/TT-BGTVT is expired at the same time.

- Decision No. 809/QĐ-BGTVT (hereinafter referred to as the Decision 809) promulgating price frames for berthage, is effective from July 1, 2024; and
- Decision No. 810/QĐ-BGTVT (hereinafter referred to as the Decision 810) promulgating price frames for container stevedoring services, is effective from July 1, 2024.

Các khung giá được quy định trong Quyết định 809 và Quyết định 810 **không có sự thay đổi** so với các khung giá được quy định trong Thông tư 39/2023/TT-BGTVT trước đây. Cụ thể, chi tiết khung giá dịch vụ áp dụng cho khu cảng Cái Mép – Thị Vải được quy định tại Điều 2 của Quyết định 809 và Điều 3, Điều 7 của Quyết định 810 như sau (các mức giá bên dưới chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng):

The price frames regulated in Decision 809 and Decision 810 **remain unchanged** from those regulated in the Circular No. 39/2023/TT-BGTVT. The detailed price frames applicable to Cai Mep – Thi Vai port cluster are stipulated under Clause 2 of Decision 809 and Clause 3 and Clause 7 of Decision 810 as follows (below rates exclude VAT):

1. Khung giá dịch vụ cầu bến, phao neo:
Price frame for berthage service

Tàu / Vessel	Tối thiểu / Min	Tối đa / Max	Đơn vị / Unit
Tàu nội địa / Domestic Vessel	13.5	15.0	VND/GT/Hour
Tàu quốc tế / International Vessel	0.0028	0.0031	USD/GT/Hour

2. Khung giá dịch vụ xếp dỡ container nội địa:

Price frame of stevedoring service for domestic container

Đơn vị/Unit: VND/container		
Tàu (sà lan) <-> Bãi cảng Vessel (barge) <-> CY		
Container	Tối thiểu Min	Tối đa Max
20 feet		
Có hàng / Full	260,000	427,000
Rỗng / Empty	152,000	218,000
40 feet		
Có hàng / Full	439,000	627,000
Rỗng / Empty	231,000	331,000
> 40 feet		
Có hàng / Full	658,000	940,000
Rỗng / Empty	348,000	498,000

4. Khung giá dịch vụ xếp dỡ container trung chuyển, quá cảnh:

Price frame of stevedoring service for transshipment container

Đơn vị/Unit: USD/container		
Tàu <-> Bãi cảng Vessel <-> CY		
Container	Tối thiểu Min	Tối đa Max
20 feet		
Có hàng / Full	34	40
Rỗng / Empty	21	26
40 feet		
Có hàng / Full	51	58
Rỗng / Empty	32	37
> 40 feet		
Có hàng / Full	56	65
Rỗng / Empty	35	41

3. Khung giá dịch vụ xếp dỡ container xuất khẩu, nhập khẩu:

Price frame of stevedoring service for export, import container

Đơn vị/Unit: USD/container		
Tàu <-> Bãi cảng Vessel <-> CY		
Container	Tối thiểu Min	Tối đa Max
20 feet		
Có hàng / Full	57	66
Rỗng / Empty	35	44
40 feet		
Có hàng / Full	85	97
Rỗng / Empty	54	62
> 40 feet		
Có hàng / Full	94	108
Rỗng / Empty	60	68

5. Khung giá dịch vụ xếp dỡ container cho sà lan:

Price frame of stevedoring service for barges

Đơn vị/Unit: USD/container		
Sà Lan <-> Bãi cảng Barge <-> CY		
Container	Tối thiểu Min	Tối đa Max
20 feet		
Có hàng / Full	8	15
Rỗng / Empty	8	15
40 feet		
Có hàng / Full	13	23
Rỗng / Empty	13	23
> 40 feet		
Có hàng / Full	13	23
Rỗng / Empty	13	23

Cảng Quốc Tế Cái Mép (CMIT) là doanh nghiệp đăng ký kinh doanh tại Việt Nam và phải tuân thủ các quy định của Chính phủ Việt Nam. Theo đó, chúng tôi trân trọng cập nhật đến quý khách hàng về việc thay đổi văn bản quy định khung giá dịch vụ như trên. Do khung giá dịch vụ quy định được giữ nguyên không đổi, thông báo này không ảnh hưởng tới các mức giá dịch vụ đã thỏa thuận trước đây.

Cai Mep International Terminal (CMIT), being a Vietnamese registered company, must comply with all Vietnamese Government regulations. Therefore, we would like to update to all valued customers the change in the regulatory document stipulating price frames as above mentioned. Since the stipulated price frame remains unchanged, this notification does not affect previously agreed-upon service rates.

Trân trọng cảm ơn.
Sincerely,

**Tổng Giám Đốc
General Director**



Nguyễn Xuân Kỳ